

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025 nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công năm 2022 trên địa bàn
tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 136/TTr-
SKHĐT ngày 21 tháng 12 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương là 3.930.690 triệu đồng, gồm:



- a) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách: 1.019.590 triệu đồng;
- b) Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.300.000 triệu đồng;
- c) Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 1.600.000 triệu đồng;
- d) Bội chi ngân sách địa phương: 11.100 triệu đồng.

2. Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương là 948.221 triệu đồng, trong đó:

- a) Vốn trong nước là 849.210 triệu đồng.
- b) Vốn nước ngoài: 99.011 triệu đồng.

3. Chi tiết danh mục và mức vốn từng dự án: theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao trách nhiệm:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục và số vốn tại Điều 1 của Quyết định này cho các đơn vị thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

2. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; đẩy nhanh tiến độ các công trình, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu các dự án do đơn vị quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các chủ đầu tư cùng các cơ quan, đơn vị được giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *l. n. n. n.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b);
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nkguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhân



Phụ lục I

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 308 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bộ chi ngân sách địa phương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)				10.173.268	8.062.779	3.930.690	1.019.590	1.300.000	1.600.000	11.100	2.110.887		
A	VỐN BỐ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM				10.173.268	8.062.779	2.430.303	779.203	520.000	1.120.000	11.100	610.500		
	- Trong đó: Bổ trí dự án chuyển tiếp						1.729.321	511.170	520.000	687.051	11.100	80.500		
	- Trong đó: Bổ trí dự án khởi công mới						482.682	49.733	0	432.949	0	330.000		
	- Trong đó: trả nợ gốc + vốn vay lại.						18.300	18.300	0	0	0	0		
	- Trong đó: Bổ trí bồi hoàn giải phóng mặt bằng (từ tiền thuê đất)						200.000	200.000	0	0	0	200.000		
1	Sở Nông nghiệp				587.186	189.685	51.000	51.000	0	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				587.186	189.685	51.000	51.000	0	0	0	0		
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	toàn tỉnh	2018-2023	2409/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh;	96.346	96.346	5.000	5.000	0	0	0	0		
2	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	xã An Sơn, huyện Kiên Hải	2017-2022	2281/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 317/QĐ-UBND, ngày 10/8/2020; 233/QĐ-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh;	152.289	44.289	12.000	12.000						



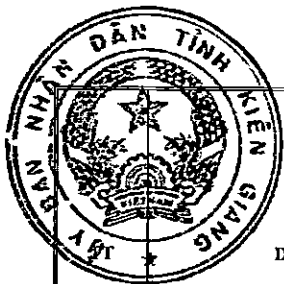
1	2	3	4	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				13	14	
				5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11			12
	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
3	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT).	toàn tỉnh	2015-2022	2731/QĐ-UBND, ngày 10/11/2015; 1100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2019; 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh;	338.551	49.050	34.000	34.000					
II	Sở Giao thông vận tải				4.489.964	4.224.164	822.271	219.979	390.000	212.292	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				596.665	330.865	129.000	0	40.000	89.000	0	0	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng.	huyện U Minh Thượng	2019-2022	2511/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	125.000	125.000	30.000			30.000			
2	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	79.543	79.543	9.000			9.000			
3	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	các huyện: An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao.	2017-2022	63/HĐND-VP, 29/3/2017; số 528/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; số 17/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 của HĐND tỉnh;	392.122	126.322	90.000		40.000	50.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				3.893.299	3.893.299	693.271	219.979	350.000	123.292	0	0	
1	Dự án nâng cấp đường Thờ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.	các huyện: An Biên, U Minh Thượng	2019-2023	2272/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1214/QĐ-UBND, ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh; (277.849 trđ)	199.999	199.999	23.292			23.292			
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2023	2233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh;	409.993	409.993	100.000			100.000			



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				13	14	
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11			12
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Thành phố Phú Quốc	2019-2023	1752/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019; 2803/QĐ-UBND, 10/12/2019 của UBND tỉnh;	919.628	919.628	150.000		150.000				
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2023	2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	952.960	952.960	200.000		200.000				
5	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành	2019-2023	2070/QĐ-UBND, ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh;	1.410.719	1.410.719	219.979	219.979					
III	Sở Y tế				1.707.047	1.526.763	313.759	0	0	313.759	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				915.857	735.573	10.000	0	0	10.000	0	0	
1	Bệnh viện Sân Nhũ	thành phố Rạch Giá	2015-2022	số 426/QĐ-UBND ngày 03/3/2015; số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2020; số 1982/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh;	915.857	735.573	10.000			10.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				791.190	791.190	303.759	0	0	303.759	0	0	
1	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	thành phố Rạch Giá	2019-2023	2433/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	761.195	761.195	293.759			293.759			
2	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2021-2023	số 162/QĐ-BQLKKTQP ngày 28 tháng 7 năm 2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc;	29.995	29.995	10.000			10.000			



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				13	14	
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11			12
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
IV	Sở Giáo dục và Đào tạo				176.984	169.984	90.000	0	0	90.000	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				28.980	21.980	13.500	0	0	13.500	0	0	
1	Trường Phổ thông cơ sở Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương	xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương	2021-2022	số 418/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	14.000	7.000	3.500			3.500			
2	Trường Tiểu học Phú Lợi	xã Phú Lợi, huyện Giang Thành	2021-2022	số 216/QĐ-SKHĐT ngày 15/7/2021 của Sở KH&ĐT;	14.980	14.980	10.000			10.000			
(2)	Các dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2022				20.000	20.000	9.000	0	0	9.000	0	0	
1	Trường Trung học phổ thông An Minh	thị trấn Thứ 11, huyện An Minh	2021-2023	số 3161/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	20.000	20.000	9.000			9.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				128.004	128.004	67.500	0	0	67.500	0	0	
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Vĩnh Thuận	thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	số 239/QĐ-SKHĐT ngày 13/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.980	14.980	10.000			10.000			
2	Trường Trung học phổ thông Dương Đông	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2021-2023	số 227/QĐ-BQLKKTQP ngày 27/9/2021 của BQL Khu kinh tế PQ;	29.900	29.900	10.000			10.000			
3	Trường Trung học cơ sở Định Hòa	xã Định Hòa, huyện Gò Quao	2021-2022	số 260/QĐ-SKHĐT ngày 21/9/2021 của Sở KH&ĐT;	13.124	13.124	10.500			10.500			
4	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Văn Xiển	xã Tân Thạnh, huyện An Minh	2021-2023	số 2098/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh;	21.000	21.000	10.000			10.000			



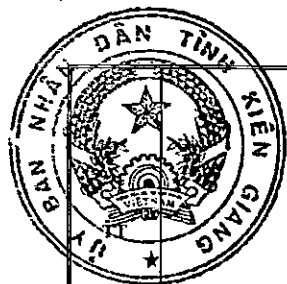
1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
5	Trường Trung học phổ thông An Biên	huyện An Biên	2021-2023	số 2099/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh;	19.000	19.000	12.000			12.000				
6	Trường Trung học phổ thông Cây Dương	xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp	2021-2023	số 2097/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh;	18.000	18.000	10.000			10.000				
7	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Phong	xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	số 266/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2021 của Sở KH&ĐT;	12.000	12.000	5.000			5.000				
V	Sở Lao động Thương binh và Xã hội				12.660	12.660	5.000	0	0	5.000	0	0		
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				12.660	12.660	5.000	0	0	5.000	0	0		
1	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp	2021-2023	số 292/QĐ-SKHĐT ngày 14/10/2021 của Sở KH&ĐT;	5.000	5.000	2.000			2.000				
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 291/QĐ-SKHĐT ngày 14/10/2021 của Sở KH&ĐT;	7.660	7.660	3.000			3.000				
VI	Sở Văn hóa Thể thao				189.116	109.116	49.000	4.000	0	45.000	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				179.616	99.616	45.000	0	0	45.000	0	0		
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	thành phố Rạch Giá	2017-2022	2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1051/QĐ-UBND, ngày 328/4/2020; 944/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh;	130.000	50.000	30.000			30.000				



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú		
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	thành phố Rạch Giá	2019-2022	số 2434/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018; 2707/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND tỉnh;	49.616	49.616	15.000			15.000				
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				9.500	9.500	4.000	4.000	0	0	0	0		
1	Dự án Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Kiên Giang; Hàng rào bảo vệ khuôn viên Công viên văn hóa An Hòa.	Phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 249/QĐ-SKHĐT ngày 13/9/2021 của Sở KH&ĐT;	9.500	9.500	4.000	4.000						
VII	Các trường Cao đẳng				124.310	124.310	35.449	0	0	35.449	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				14.990	14.990	5.000	0	0	5.000	0	0		
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025.	thành phố Rạch Giá	2021-2022	số 230/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.990	14.990	5.000			5.000				
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				109.320	109.320	30.449	0	0	30.449	0	0		
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị.	số 217 đường Chu Văn An, thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 2266/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh;	29.985	29.985	15.000			15.000				
2	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị.	đường Mạc Cửu và Tô Hiến Thành, thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 2267/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh;	29.900	29.900	5.449			5.449				
3	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2024	số 2264/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh;	49.435	49.435	10.000			10.000				



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:				13		
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú		
IX	Sở Tài nguyên Môi trường				808.750	387.903	133.324	3.324	130.000	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				808.750	387.903	133.324	3.324	130.000	0	0	0		
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	toàn tỉnh	2015-2022	2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh;	755.022	377.511	130.000		130.000				bổ tri 10% đất là 130 tỷ;	
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (bổ tri vốn đối ứng ODA)	Thành phố: Rach Giá, Hà Tiên, Phú Quốc; huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành.	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh;	53.728	10.392	3.324	3.324						
XI	Sở Du Lịch				119.322	119.322	51.000	51.000	0	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				119.322	119.322	51.000	51.000	0	0	0	0		
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chì Sứ)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2505/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59.453	59.453	21.000	21.000						
2	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thới Sơn đến ngã ba cổng Hòn Quáo)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2496/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 703/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	59.869	59.869	30.000	30.000						
XII	Sở Kế hoạch và Đầu tư				73.377	73.377	30.967	30.967	0	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				73.377	73.377	30.967	30.967	0	0	0	0		



1	2	3	4	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
				5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11	12		
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Chi chú
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó:	toàn tỉnh	2020-2022	2272/QĐ-UBND, ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh;	73.377	73.377	30.967	30.967	0	0	0	0	
	- Sơ Kế hoạch và Đầu tư quản lý					72.160	30.000	30.000					
	- Sơ Tài nguyên và Môi trường quản lý					1.217	967	967					
XIII	Sở Nội vụ				4.014	4.014	300	300	0	0	0	0	
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021				4.014	4.014	300	300	0	0	0	0	
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	phường An Hòa - thành phố Rạch Giá	2020-2022	386/QĐ-SKHĐT, ngày 11/12/2020 của Sở KH&ĐT.	4.014	4.014	300	300					
XIV	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				43.935	43.935	16.300	16.300	0	0	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				1.943	1.943	300	300	0	0	0	0	
1	Đầu tư mua sắm thiết bị chốt dân quân do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.	huyện Giang Thành và thành phố Hà Tiên	2020-2022	số 117/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021 của Sở KH&ĐT;	1.943	1.943	300	300					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				27.000	27.000	9.000	9.000	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới khu kỹ thuật Đại đội kho vũ khí/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang.	xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng	2021-2023	229/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở KH&ĐT;	12.000	12.000	6.000	6.000					
2	Cải tạo, nâng cấp Ban chỉ huy Quân sự huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải	2021-2023	Số 55/QĐ-SKHĐT ngày 24/02/2021 của Sở KH&ĐT	5.000	5.000	1.500	1.500					



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
3	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	toàn tỉnh	2021-2023	42//QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	10.000	10.000	1.500	1.500						
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				14.992	14.992	7.000	7.000	0	0	0	0		
1	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý	thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 253/QĐ-SKHĐT ngày 13/9/2021 của Sở KH&ĐT;	14.992	14.992	7.000	7.000						
XV	Bộ chỉ huy Biên Phòng tỉnh				93.959	93.959	48.500	48.500	0	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				84.859	84.859	40.500	40.500	0	0	0	0		
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	xã Bình An, huyện Kiên Lương	2020-2022	2529/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh;	60.000	60.000	30.000	30.000						
2	Đồn Biên phòng Vĩnh Điều (965)	xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành	2021-2022	số 91/QĐ-SKHĐT ngày 14/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	2.800	2.800	500	500						
3	Đồn Biên phòng Phú Mỹ (973)	xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	2021-2022	số 92/QĐ-SKHĐT ngày 14/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	5.256	5.256	2.000	2.000						
4	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy	xã Văn Khánh, huyện An Minh	2021-2022	số 82/QĐ-SKHĐT ngày 24/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	8.500	8.500	4.000	4.000						
5	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)	xã Thổ Châu, Thành phố Phú Quốc	2021-2022	68/QĐ-BQLKKTPO, 26/4/2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc;	8.303	8.303	4.000	4.000						
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				9.100	9.100	8.000	8.000	0	0	0	0		



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh				13	14	
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11			12
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá	phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá	2021-2022	số 267/QĐ-SKHĐT ngày 24/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	9.100	9.100	8.000	8.000					
XVI	Công an tỉnh				69.700	69.700	31.800	31.800	0	0	0	0	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				23.800	23.800	4.000	4.000	0	0	0	0	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Lại Sơn, Vĩnh Phú (Giang Thành), Thổ Sơn, Bình Trị, An Minh Bắc, Mong Thọ A thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Hải, Giang Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, U Minh Thượng, Châu Thành	2021-2022	số 404/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900	2.000	2.000					
2	Trụ sở làm việc Công an xã Thạnh Lộc, Nam Thái A, Đông Yên, Minh Thuận, Thạnh Yên, Vĩnh Phú (Giồng Riềng), Mỹ Lâm thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2021-2022	số 405/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900	2.000	2.000					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				35.700	35.700	22.800	22.800	-	-	-	-	
1	Trụ sở làm việc công an các xã: Thạnh Phước, Bàn Tân Định, Vân Khánh Tây, Thuận Hòa, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Thắng, Giục Tượng thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Giồng Riềng, An Minh, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Châu Thành.	2021-2023	236/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900	7.400	7.400					



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:				13		
					6	7		9	10	11	12			
	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
2	Trụ sở làm việc công an các xã: Minh Hòa, Đông Hòa, Mong Thọ B, Thạnh Yên A, Vĩnh Phong, Sơn Kiên, Tân Thành thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Tân Hiệp.	2021-2023	237/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900	7.400	7.400						
3	Trụ sở làm việc công an các xã: Sơn Bình, Thạnh Đông, Tân Hiệp A, Thủy Liễu, Định An, Hòa Lợi, Ngọc Hòa thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Hòn Đất, Tân Hiệp, Gò Quao, Giồng Riềng.	2021-2023	255/QĐ-SKHĐT ngày 14/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900	8.000	8.000						
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				10.200	10.200	5.000	5.000	0	0	0	0		
1	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Thạnh, Vĩnh Hòa Phú, Định Hòa, Hòa Thuận, Thạnh Hòa, Mỹ Thuận thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: An Minh, Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2022-2023	số 256/QĐ-SKHĐT ngày 14/9/2021 của Sở KH&ĐT;	10.200	10.200	5.000	5.000						
XVII	Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh				16.494	16.494	7.000	7.000	0	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				16.494	16.494	7.000	7.000	0	0	0	0		
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2020-2022	số 3126/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh;	16.494	16.494	7.000	7.000						
XIX	Văn phòng Tỉnh ủy				205.316	177.506	60.733	60.733	0	0	0	0		
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022				151.293	123.483	30.000	30.000	0	0	0	0		



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bù chi ngân sách địa phương			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2020-2022	723/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;	151.293	123.483	30.000	30.000						
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				38.400	38.400	21.000	21.000	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng mới kho Lưu Trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	3157/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	35.000	35.000	20.000	20.000						
2	Sửa chữa, cải tạo nhà công vụ Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	417/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	3.400	3.400	1.000	1.000						
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2022				15.623	15.623	9.733	9.733	0	0	0	0	0	
1	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	Tỉnh ủy và 15 Huyện ủy, Thành ủy trực thuộc	2021-2023	số 361/QĐ-SKHĐT ngày 07/12/2021 của Sở KH&ĐT;	5.833	5.833	5.733	5.733						
2	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành	thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	2022-2024	số 343/QĐ-SKHĐT ngày 17/11/2021 của Sở KH&ĐT;	9.790	9.790	4.000	4.000						
XX	Văn phòng UBND tỉnh				14.997	14.997	13.000	13.000	0	0	0	0	0	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				14.997	14.997	13.000	13.000	0	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 395/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2021 của Sở KH&ĐT;	14.997	14.997	13.000	13.000						
XXI	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh				5.000	5.000	5.000	5.000	0	0	0	0	0	



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Chi chú		
(1)	Chuẩn bị đầu tư				5.000	5.000	5.000	5.000	0	0	0	0		
1	Dự án cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang'	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 269/QĐ-VP ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;	5.000	5.000	5.000	5.000						
XXII	Ban Dân tộc tỉnh				5.960	5.960	3.000	3.000	0	0	0	0		
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2022				5.960	5.960	3.000	3.000	0	0	0	0		
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc tỉnh	thành phố Rạch Giá	2022-2023	số 293/QĐ-SKHĐT ngày 14/10/2021 của Sở KH&ĐT;	5.960	5.960	3.000	3.000						
XXIII	Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công đoạn 2021-2025				150.000	150.000	30.000	0	0	30.000	0	30.000	Theo kế hoạch kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở cho đối tượng người có công với cách mạng giai đoạn 2021-2025 (Sở LĐTBXH ngày 18/10/2021)	
1	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá					830			830		830		
2	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên					200			200		200		
3	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành					190			190		190		
4	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương					410			410		410		
5	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất					1.280			1.280		1.280		



Danh mục dự án

1	2	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Chi chú	
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh		Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14			
6	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành				500				500		500		
7	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp				800				800		800		
8	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng				5.500				5.500		5.500		
9	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao				4.200				4.200		4.200		
10	Huyện An Biên	huyện An Biên				1.150				1.150		1.150		
11	Huyện An Minh	huyện An Minh				5.200				5.200		5.200		
12	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng				5.200				5.200		5.200		
13	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận				3.850				3.850		3.850		
14	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc				590				590		590		
15	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải				100				100		100		
XXIV	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tính hỗ trợ huyện đầu tư.					545.930	543.930	103.500	15.000	0	88.500	0	80.500	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022					320.000	318.000	59.500	15.000	0	44.500	0	36.500	



Danh mục dự án

1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
1	Đường KT1, huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2023	1127/QĐ-UBND, 13/5/2016; 523/QĐ-UBND, 06/3/2019 của UBND tỉnh;	200.000	198.000	23.000			23.000			huyện quản lý công trình	
3	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	thành phố Hà Tiên	2020-2022	2492/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	40.000	40.000	15.000	15.000				15.000		
4	Bãi rác Hà Tiên, thành phố Hà Tiên.	thành phố Hà Tiên	2020-2022	2493/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	1.500			1.500		1.500		
3	Cầu tuyền tránh Giồng Giếng	huyện Giồng Riềng	2020-2022	số 6307/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; số 2616/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Giồng Riềng;	50.000	50.000	20.000			20.000		20.000		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				225.930	225.930	44.000	0	0	44.000	0	44.000		
1	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	2019-2023	2510/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	200.480	200.480	35.000			35.000		35.000		
2	Trường Mầm non Tân Thạnh, huyện An Minh	xã Tân Thạnh, huyện An Minh	2021-2023	3327/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện An Minh.	14.950	14.950	6.500			6.500		6.500		
3	Đường Thù 8 - Thuận Hòa, huyện An Minh	xã Đông Thạnh, huyện An Minh	2021-2023	373/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện An Minh;	10.500	10.500	2.500			2.500		2.500		
XXVI	Chi đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc				729.247	0	29.400	18.300	0	0	11.100	0		
a	Bội chi ngân sách địa phương (vay lại)				729.247	0	11.100	0	0	0	11.100	0		



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh						13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú		
1	Dự án Chống chịu biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	các huyện: An Biên, An Minh	1825/TTg-QHQT, ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 1693/QĐ-BNN-HHQ, ngày 09/5/2016 của Bộ NN&PTNT;	729.247		11.100					11.100			
b	Trả nợ gốc					18.300	18.300	0	0	0	0	0		
1	Khoản phải trả nợ gốc tiền vay thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, tôn nền vượt lũ và vay lại của NSDP	tỉnh Kiên Giang				13.300	13.300							
2	Chi trả nợ lãi tiền vay từ Chính phủ vay nước ngoài về cho địa phương vay lại.	tỉnh Kiên Giang				5.000	5.000							
XXVII	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền cho thuê đất.					200.000	200.000					200.000		
1	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền cho thuê đất dự án Cấp treo Hòn Thơm trên địa bàn thành phố Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2279/QĐ-UBND, ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh;			200.000	200.000					200.000		
XXVIII	Hỗ trợ Đầu tư công trình giao thông nông thôn		số điểm theo tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh;	0	0	300.000	0	0	300.000	0	300.000			
1	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá	9,82			20.367			20.367		20.367			
2	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	6,47			13.420			13.420		13.420			
3	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành	8,06			16.717			16.717		16.717			
4	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương	9,84			20.409			20.409		20.409			



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11	12		
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
5	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất		11,99			24.869			24.869		24.869	
6	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành		8,75			18.150			18.150		18.150	
7	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp		8,74			18.128			18.128		18.128	
8	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng		15,34			31.817			31.817		31.817	
9	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao		11,00			22.815			22.815		22.815	
10	Huyện An Biên	huyện An Biên		8,70			18.045			18.045		18.045	
11	Huyện An Minh	huyện An Minh		10,01			20.760			20.760		20.760	
12	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng		7,28			15.100			15.100		15.100	
13	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận		9,01			18.688			18.688		18.688	
14	Thành phố Phú Quốc	thành phố Phú Quốc		12,62			26.175			26.175		26.175	
15	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải		7,01			14.540			14.540		14.540	
B	VỐN PHÂN BỐ THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ			số điểm theo tiêu chí, định mức phân bổ vốn tại số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh;		0	720.387	240.387	0	480.000	0	720.387	



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11	12		
Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
I	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá		9,82		48.909	16.321		32.588		48.909		
II	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên		6,47		32.224	10.752		21.472		32.224		
III	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành		8,06		40.144	13.396		26.748		40.144		
IV	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương		9,84		49.008	16.354		32.654		49.008		
V	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất		11,99		59.717	19.927		39.790		59.717		
VI	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành		8,75		43.580	14.542		29.038		43.580		
VII	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp		8,74		43.529	14.525		29.004		43.529		
VIII	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng		15,34		76.402	25.495		50.907		76.402		
IX	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao		11,00		54.787	18.282		36.505		54.787		
X	Huyện An Biên	huyện An Biên		8,70		43.330	14.459		28.871		43.330		
XI	Huyện An Minh	huyện An Minh		10,01		49.855	16.636		33.219		49.855		
XII	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng		7,28		36.259	12.099		24.160		36.259		
XIII	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận		9,01		44.875	14.975		29.900		44.875		



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					13	14	
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:						
					6	7		9	10	11	12			
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú	
XIV	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc		12,62			62.855	20.974		41.881		62.855		
XV	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải		7,01			34.913	11.650		23.263		34.913		
C	VỐN TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT (PHÂN BỐ 60% CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ)					0	0	780.000	0	780.000	0	0	780.000	
I	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá					120.000		120.000			120.000		
II	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên					48.000		48.000			48.000		
III	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành					1.050		1.050			1.050		
IV	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương					3.000		3.000			3.000		
V	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất					1.800		1.800			1.800		
VI	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành					6.000		6.000			6.000		
VII	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp					3.000		3.000			3.000		
VIII	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng					6.600		6.600			6.600		
IX	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao					1.800		1.800			1.800		
X	Huyện An Biên	huyện An Biên					600		600			600		
XI	Huyện An Minh	huyện An Minh					720		720			720		



1	2	3	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					13	14
			4	5	Tổng mức đầu tư		8	Trong đó:					
					6	7		9	10	11	12		
Danh mục dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn thu chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
XII	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng					600		600			600	
XIII	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận					600		600			600	
XIV	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc					585.600		585.600			585.600	
XV	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải					630		630			630	



Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3208 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định Chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSTW				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				4.983.825	4.321.903	849.210	0	0	467.980	
A	NGÀNH/ LĨNH VỰC GIAO THÔNG				3.419.825	2.757.903	657.980	0	0	457.980	
I	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư				9.105	9.105	1.500	0	0	1.500	
1	Đường Kết nối đê bao ven biển với cầu Thứ ba	huyện An Biên	2022-2025	Phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư số 9727/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND huyện An Biên;	3.245	3.245	500			500	
2	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận)	huyện Vĩnh Thuận	2021-2024	Phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư số 6277/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của UBND huyện Vĩnh Thuận;	2.632	2.632	500			500	



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		KẾ HOẠCH NĂM 2022			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW				
							Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				4.983.825	4.321.903	849.210	0	0	467.980	
3	Mở rộng tuyến đường Mỹ Thái, Mỹ Hiệp Sơn huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2022-2025	Phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư số 983/QĐ-BQL ngày 30/11/2021 của BQL dự án ĐTXD huyện Hòn Đất;	3.228	3.228	500			500	
II	Thực hiện dự án				3.410.720	2.748.798	656.480	0	0	456.480	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				3.410.720	2.748.798	656.480			456.480	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	các huyện: Hòn Đất, Kiên Lương	2021-2024	số 2247/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh;	1.479.922	1.300.000	200.000				
2	Đường Minh Lương - Giục Tượng	huyện Châu Thành	2021-2023	số 2711/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Châu Thành;	168.798	168.798	92.980			92.980	
3	Cầu thị trấn Thứ 11 (vượt kênh Tân Bằng - Cán Gáo)	huyện An Minh	2021-2024	số 1973/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện An Minh;	200.000	200.000	100.000			100.000	
4	Cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	huyện An Biên	2021-2024	số 7519/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện An Biên;	250.000	250.000	100.000			100.000	



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		KẾ HOẠCH NĂM 2022			Phân cấp vốn huyện, thành phố quản lý	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW				
							Tổng số	Trong đó:			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ				4.983.825	4.321.903	849.210	0	0	467.980	
5	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	huyện Phú Quốc	2016-2023	07/QĐ-BQLKTPQ, ngày 29/10/2015; 37/QĐ-BQLKTPQ, ngày 28/3/2016; 97/QĐ-BQLKTPQ, ngày 13/05/2020 của Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;	1.312.000	830.000	163.500			163.500	
B	NGÀNH/ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP				1.564.000	1.564.000	191.230			10.000	
I	Thực hiện dự án				1.564.000	1.564.000	191.230	0	0	10.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022				1.484.000	1.484.000	181.230			0	
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	các huyện: An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	2019-2023	2516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	1.484.000	1.484.000	181.230				
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2022				80.000	80.000	10.000			10.000	



Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3208 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch năm 2022		Ghi chú	
		Số quyết định	TMĐT								Tổng số		Trong đó:
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn nước ngoài (vốn NSTW)			
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt						
							Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ		1.121.627	256.073	158.445	-	865.554	668.926	196.628	99.011	99.011		
I	Ngành, Lĩnh vực Nông nghiệp		1.067.798	245.661	158.445	-	822.137	638.534	183.603	89.300	89.300		
1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022		1.067.798	245.661	158.445	-	822.137	638.534	183.603	89.300	89.300		
	Dự án nhóm B												
(1)	Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - WB9	số 1825/TTg-QHQT, 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; số 1693/QĐ-BNN-HTQT, 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247	117.238	109.395		612.009	428.406	183.603	74.300	74.300		



Danh mục dự án

KẾ HOẠCH NĂM 2022

1	2	Số quyết định	TMĐT							Tổng số	Trong đó: Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Ghi chú
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					
							Tổng số	Trong đó:				
Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại											
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13		
	TỔNG SỐ		1.121.627	256.073	158.445	-	865.554	668.926	196.628	99.011	99.011	
(2)	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (Vnsat)	2731/QĐ-UBND, ngày 10/11/2015; 1100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2019; 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh;	338.551	128.423	49.050		210.128	210.128		15.000	15.000	
II	Ngành, Lĩnh vực Tài nguyên		53.829	10.412	-	-	43.417	30.392	13.025	9.711	9.711	
1	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>		53.829	10.412	-	-	43.417	30.392	13.025	9.711	9.711	
	<i>Dự án nhóm C</i>											
(1)	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	số 1236/QĐ-BTNMT, 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	53.829	10.412			43.417	30.392	13.025	9.711	9.711	